Ngày phát hành/ Ngày hiệu chỉnh	:	16.06.2020
Ngày phát hành lần trước	:	29.08.2019
Phiên bản	:	5.0

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

YaraVita HYDROPHOS Zn

Phiếu an toàn hóa chất, Tên phân loại, tên sản phẩm

Số UN	:	UN3264

Số đăng ký

Danh mục hóa chất Việt Nam	:	Hỗn hợp

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)	:	YaraVita HYDROPHOS Zn
Loại sản phẩm	:	Chất lỏng
Mã sản phẩm	:	PYP32M

Ứng dụng

Khu vực áp dụng	:	Các ứng dụng chuyên nghiệp
Cách sử dụng nguyên liệu.	:	Phân bón.

Nhà cung cấp

Thông tin chi tiết về nhà cung cấp	:	Yara Vietnam Ltd..

ĐỊA CHỈ

Đường	:	Fl. 14 Empress Tower 138 - 142 Hai Ba Trung, Da Kao Ward, District 1
THÀNH PHỐ	:	Ho Chi Minh City
Quốc Gia	:	Viet Nam
Số Điện Thoại	:	+84 28 3829 6869
Số fax	:	+84 28 3827 9317
Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm đối với bảng SDS này	:	yaraasiapacific@yara.com
Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động)	:	+84 28 4458 2388 (Việt Nam, 24/7)

Cơ quan tư vấn quốc gia/Trung Tâm Độc Chất

Tên	:	Trung Tâm Kiểm Soát Chất độc - Bệnh viện Bạch Mai

Số Điện Thoại : : +84 24 38693731 ext 6821

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Mức xếp loại nguy hiểm. :
ĂN MÒN KIM LOẠI - Loại 1
ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 5
ĂN MÒN DA - Loại 1
TỔN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ :

H290	Có thể ăn mòn kim loại.
H303	Có thể có hại nếu nuốt phải.
H314	Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.
H412	Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn :

P260	Đừng hít phải khí gas, hơi hoặc hơi khói khi bay ra.
P280	Mang găng tay/quần áo bảo hộ và đồ bảo hộ mắt/mặt.
P273	Tránh thải ra môi trường.

Phản ứng :

P305	NẾU BỊ DÍNH VÀO MẮT:
P351	Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút.
P338	Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P303	NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc):
P361	Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn.
P353	Súc rửa bằng nước.

Lưu trữ :

P234	Chỉ giữ trong bao bì gốc.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế : Hỗn hợp

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
zinc bis(dihydrogen phosphate)	13598-37-3	Không có sẵn.	>= 10 - < 12,5
axit phosphoric	7664-38-2	H3PO4	>= 7 - < 10
zinc bis(dihydrogen phosphate)	13598-37-3	Không có sẵn.	>= 10 - < 12,5
axit phosphoric	7664-38-2	H3PO4	>= 7 - < 10
kali clorid	7447-40-7	KCl	>= 5 - < 7

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của lô.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này. Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Nhờ chuyên viên y tế săn sóc ngay. Phỏng hóa chất phải được bác sĩ điều trị ngay.

Hít phải : Tránh hít hơi, sương hoặc bụi phun. Nếu hít phải, đưa ra ngoài chỗ thoáng gió. Nhờ chuyên viên y tế săn sóc ngay. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành.

Tiếp xúc ngoài da : Nếu bị tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa da ngay ít nhất trong 15 phút trong khi lột bỏ quần áo và giày bị nhiễm. Nhờ chuyên viên y tế săn sóc ngay. Phỏng hóa chất phải được bác sĩ điều trị ngay.

Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Hít phải	:	Hơi rất khó chịu cho mắt và hệ hô hấp.
Tiếp xúc ngoài da	:	Gây phỏng nghiêm trọng.
Nuốt phải	:	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể làm phỏng miệng, cổ họng và bao tử.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau, chảy nước mắt, bị đỏ
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu, có thể bị phồng rộp da
Nuốt phải	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày, Có thể làm phỏng miệng, cổ họng và bao tử.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị	:	Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn.
Điều trị cụ thể	:	Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
Bảo vệ nhân viên sơ cứu	:	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp	:	Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
Các chất chữa cháy không phù hợp	:	Không nhận dạng được cái nào.
Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	:	Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này độc đối với thủy sinh vật. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh. Phản ứng dữ dội với nước. Tấn công nhiều kim loại làm sản sinh khí hydro cực kỳ dễ cháy có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí. Có tính axit. Khi cháy, sự phân hủy có thể sản sinh khí/khói độc.
Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm	:	Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: ôxit photpho, hợp chất halogen hóa, ôxit kim loại, Tránh hít phải bụi, hơi hay khói từ chất đang cháy., Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy	:	Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	:	Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.
Nhận xét	:	Không gây nổ.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phải nhân viên cấp cứu	:	Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Không hít thở hơi hoặc sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).
Cho các nhân viên cấp cứu	:	Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
Đề phòng cho môi trường	:	Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ	:	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Hấp thu hết chất tràn để tránh làm hỏng vật liệu. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng	:	Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Hấp thu hết chất tràn để tránh làm hỏng vật liệu. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc

khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Vật liệu bị đổ ra này có thể được trung hòa bởi các muối sodium carbonate, sodium bicarbonate hoặc sodium hydroxide. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Không dùng cho con người và động vật.

Biện pháp bảo vệ	:	Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh thải ra môi trường. Nếu trong lúc sử dụng bình thường mà vật liệu có biểu hiện nguy hiểm đến hệ hô hấp thì chỉ nên dùng khi có đủ sự thoáng khí hoặc mang dụng cụ hô hấp thích hợp. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Giữ xa chất kiềm. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa. Các lượng tràn đổ cần phải được thu dọn ngay lập tức để tránh gây hư hỏng cho các vật liệu xung quanh.
Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát	:	Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ	:	Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống.Cất giữ trong thùng chứa chống ăn mòn với lớp kháng lót bên trong.Cất giữ khóa kín.Giữ tách xa các chất kiềm.Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng.Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi

trường.Các cơ sở lưu trữ dạng đê nhằm ngăn ô nhiễm đất và nước khi xảy ra sự cố tràn.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
axit phosphoric	**Bộ Y tế (2002-10-01)** TWA 1 mg/m3 STEL 3 mg/m3
	Bộ Y tế (2002-10-01) TWA 1 mg/m3 STEL 3 mg/m3

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh : "Dụng cụ rửa mắt hoặc da nên sẵn sang để sử dụng". Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại.

Bảo vệ mắt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương hoặc bụi. **Khuyến cáo**: Mắt kính đeo khít,

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý

		sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. > 8 tiếng (thời điểm đột phá): Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết., Đối với các ứng dụng chung, chúng tôi khuyên bạn nên dùng găng tay có độ dày tiêu biểu lớn hơn 0,35 mm. Điều cần nhấn mạnh là độ dày của găng tay không nhất thiết là chỉ báo tốt cho tính bền của găng tay đối với hóa chất cụ thể, vì hiệu quả thẩm thấu của găng tay tùy vào cấu tạo chính xác của vật liệu làm găng tay.
Bảo vệ thân thể	:	Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
Biện pháp bảo vệ da khác	:	Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
Bảo vệ hô hấp	:	Trong trường hợp thông gió kém hãy mang đồ bảo vệ hô hấp. Khuyến cáo bộ lọc khí axit (Loại E)
Thiết bị bảo hộ cá nhân (Tượng hình)	:	

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý	:	Chất lỏng
Màu sắc	:	Màu cam.,
Mùi	:	Không mùi.
Ngưỡng về mùi	:	Không phù hợp/không áp dụng được do tính chất của sản phẩm.
pH	:	1,1 [Mật độ: 100 g/l] @ 20 °C (68 °F)
Điểm nóng chảy/đông	:	< -10 °C
Điểm sôi/ngưng tụ	:	100 °C (212 °F)
Nhiệt độ thăng hoa	:	Không xác định.
Điểm bùng cháy	:	Không xác định.
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không xác định.
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	:	Không cháy.

Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	:	**Thấp hơn:** Không xác định. **Trên:** Không xác định.
Áp suất hóa hơi	:	Không xác định.
Mật độ khối	:	Không áp dụng.
Mật độ	:	1,491 g/cm3
Mật độ tương đối	:	Không áp dụng.
Tính hòa tan	:	Không áp dụng.
Độ hòa tan trong nước	:	Không phù hợp/không áp dụng được do tính chất của sản phẩm.
Trộn lẫn trong nước	:	Trộn lẫn trong nước.
Hệ số phân chia nước/Octanol	:	Không xác định.
Nhiệt độ tự cháy	:	Không xác định.
Nhiệt độ phân hủy	:	Không xác định.
Tính dẻo	:	**Sôi động:** < 100 mPa.s **Động lực học:** Không xác định
Thuộc tính nổ	:	Không gây nổ.
Thuộc tính oxy hóa	:	Không

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Có thể ăn mòn kim loại. Đánh giá của chuyên gia
Tính ổn định	:	Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	:	Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	:	Tránh nhiễm bẩn bằng mọi nguồn kể cả kim loại, bụi và chất hữu cơ.
Các vật liệu không tương thích	:	Tấn công nhiều kim loại làm sản sinh khí hydro cực kỳ dễ cháy có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí. Phản ứng hay không tương thích với các chất sau:, kiềm, kim loại
Sản phẩm phân rã có mối nguy	:	Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Tham khảo
zinc bis(dihydrogen phosphate)					
	LD50 Đường miệng	Chuột	1.990 mg/kg	Không áp dụng.	
axit phosphoric					
	OECD 423 LD50 Đường miệng	Chuột	300 - 2.000 mg/kg	Không áp dụng.	CSR
kali clorid					
	LD50 Đường miệng	Chuột	3.020 mg/kg	Không áp dụng.	IUCLID 5
axit phosphoric					
	OECD 423 LD50 Đường miệng	Chuột	300 - 2.000 mg/kg	Không áp dụng.	CSR
zinc bis(dihydrogen phosphate)					
	LD50 Đường miệng	Chuột	1.990 mg/kg	Không áp dụng.	

Kết luận/Tóm tắt : Có thể có hại nếu nuốt phải.

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Tham khảo
axit phosphoric					
	Chỉ số kích ứng da sơ cấp (PDII) Da	Thỏ	Mô da hoại tử quan sát được	1 h	IUCLID
	Chỉ số kích ứng da sơ cấp (PDII) Da	Thỏ	Mô da hoại tử quan sát được	1 h	IUCLID

Kết luận/Tóm tắt

Da : Ăn mòn đối với da.

Mắt	:	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Hô hấp	:	Có thể kích thích hệ thống hô hấp.

Nhạy cảm

Kết luận/Tóm tắt

Da	:	Không có dữ liệu cho điểm cuối này, vì vậy phân loại này không được xem là có thể áp dụng được.
Hô hấp	:	Không có dữ liệu cho điểm cuối này, vì vậy phân loại này không được xem là có thể áp dụng được.

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra	:	Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt	:	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Hít phải	:	Hơi rất khó chịu cho mắt và hệ hô hấp.
Tiếp xúc ngoài da	:	Gây phỏng nghiêm trọng.
Nuốt phải	:	Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể làm phỏng miệng, cổ họng và bao tử.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau, chảy nước mắt, bị đỏ
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu, có thể bị phồng rộp da
Nuốt phải	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày, Có thể làm phỏng miệng, cổ họng và bao tử.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp	:	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	:	Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp	:	Không có sẵn.
Các tác dụng chậm có thể gặp	:	Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tính gây ung thư	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
CÁC ẢNH HƯỞNG LÊN HOẶC THEO ĐƯỜNG SỮA	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Những ảnh hưởng khác	:	Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Tiếp xúc mắt	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau, chảy nước mắt, bị đỏ
Hít phải	:	Không có thông tin cụ thể gì.
Tiếp xúc ngoài da	:	Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau

nhức hoặc kích ứng khó chịu, có thể bị phồng rộp da

Nuốt phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau dạ dày, Có thể làm phỏng miệng, cổ họng và bao tử.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độc độc cấp tính

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độc độc cấp tính)
Đường miệng	4.315,7 mg/kg

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Phương pháp	Loài	Kết quả	Sự phơi nhiễm	Tham khảo
zinc bis(dihydrogen phosphate)					
	Cấp tính LC50 Nước ngọt	Cá	0,78 mg/l	96 h	
axit phosphoric					
	OECD 202 Cấp tính EC50 Nước ngọt	Rận nước	> 100 mg/l	48 h	CSR
	OECD 201 Cấp tính EC50 Nước ngọt	Tảo	> 100 mg/l	72 h	CSR
kali clorid					
	Cấp tính LC50	Cá	2.300 mg/l	48 h	IUCLID 5
	Cấp tính EC50	Rận nước	825 mg/l	48 h	IUCLID 5
	Cấp tính EC50	Tảo	2.500 mg/l	72 h	IUCLID 5
axit phosphoric					
	OECD 202 Cấp tính EC50 Nước ngọt	Rận nước	> 100 mg/l	48 h	CSR
	OECD 201 Cấp tính EC50 Nước ngọt	Tảo	> 100 mg/l	72 h	CSR
zinc bis(dihydrogen phosphate)					
	Cấp tính LC50 Nước ngọt	Cá	0,78 mg/l	96 h	

Kết luận/Tóm tắt : Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Độ bền và khả năng phân hủy

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogPow	BCF	Tiềm năng
zinc bis(dihydrogen phosphate)	Không áp dụng.	60.960,00	Không áp dụng.
	Không áp dụng.	60.960,00	Không áp dụng.

Kết luận/Tóm tắt : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (KOC) : Không có sẵn.

Tính cơ động : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm

Các phương pháp xử lý : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất,

dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Quy định: UN Class	
14.1 Số UN	3264
14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, INORGANIC, N.O.S. (Phosphoric acid,)
14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển	8
14.4 Quy cách đóng gói	III
14.5 Mối nguy cho môi trường	Không.
Thông tin bổ sung **Mối nguy cho môi trường** : Không.	

Quy định: IMDG	
14.1 Số UN	3264
14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, INORGANIC, N.O.S. (Phosphoric acid,)
14.3 (các) nhóm nguy hại vận chuyển	8
14.4 Quy cách đóng gói	III
14.5 Mối nguy cho môi trường	Không.
Thông tin bổ sung **Chất gây ô nhiễm biển** : Không. **Nhóm Cách Ly Theo Mã IMDG** : SG1 **Danh mục cấp cứu (EmS)** : F-A, S-B	

Quy định: IATA	
14.1 Số UN	3264
14.2 Tên vận chuyển phù hợp của Liên hợp quốc	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, INORGANIC, N.O.S. (Phosphoric acid,)
14.3 (các) nhóm nguy hại vận	8

chuyển	
14.4 Quy cách đóng gói	III
14.5 Mối nguy cho môi trường	Không.
Thông tin bổ sung **Chất gây ô nhiễm biển** :	Không.

14.6 Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: Nên đảm bảo là những ngườichuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bịđổ.

IMSBC : Không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC) : Không có sẵn.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 3

Danh mục hàng tồn kho

Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Nhật: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Trung Quốc (IECSC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Úc (AICS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản kê của Canada: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Danh mục của Đài Loan (CSNN): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
BẢNG KÊ EC (EINECS/ELINCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
Canada: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Sức khỏe	/	3
Khả năng cháy		0
Nguy hiểm thể chất		4

Thận trọng: Phân loại HMIS® dựa trên thang phân loại 0-4, trong đó 0 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc nguy cơ tối thiểu, còn 4 đại diện cho các mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Phân loại HMIS® phải được sử dụng kết hợp với một chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là thương hiệu đã được đăng ký và dấu hiệu dịch vụ của Hiệp hội Phun phủ Hoa Kỳ (American Coatings Association, Inc.).
Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Độc tính mãn tính:
- **:** Không có dữ liệu.
* **:** Chất gây ung thư, Cơ quan có nhắm tới, Hậu quả sinh sản, Chất làm nhạy với phổi

Bảng từ viết tắt **:**

ADNR/ADN = Quy định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường thủy nội địa
ADR = Hiệp định của Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế đối với hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ
ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
bw = trọng lượng cơ thể
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
RID = Các quy định về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
SUSMP - Standard Uniform Schedule of Medicine and Poisons
TO BE TRANSLATED
UN = Liên hợp quốc

Quy trình được sử dụng để đưa ra phân loại

Phân loại	Cơ sở lý luận
ĂN MÒN KIM LOẠI - Loại 1	Đánh giá của chuyên gia
ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 5	Phương pháp tính toán
ĂN MÒN DA - Loại 1	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
TỔN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG - Loại 1	Căn cứ vào dữ liệu thử nghiệm
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2	Phương pháp tính toán
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 3	Phương pháp tính toán

Nguồn dữ liệu chính **:** EU REACH ECHA/IUCLID5 CSR.

National Institute for Occupational Safety and Health, U.S. Dept. of Health, Education, and Welfare, Reports and Memoranda Registry of Toxic Effects of Chemical Substances.
Sphera Solutions Inc., 4777 Levy Street, St Laurent, Quebec HAR 2P9, Canada.

Lịch sử

Ngày in	:	25.01.2021
Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	:	16.06.2020
Ngày phát hành lần trước	:	29.08.2019
Nhận xét về hiệu đính	:	Các m#c sau bao g#m thông tin m#i và ###c c#p nh#t: 2, 3.
Phiên bản	:	5.0
Chuẩn bị bởi	:	Yara Chemical Compliance (YCC).

|| Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.